

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN ĐH**  
**TỈNH BẠC LIÊU**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2020

(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH - TỈNH BẠC LIÊU**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các hội thẩm nhân dân:

**1/. Bà Trần Thị Nga**

**2/. Ông Nguyễn Thanh Tiền**

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư kY Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông Trần Đăng Khoa**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Y** sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp BM, xã AT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

**-Bị đơn: Anh Lê Chí Th**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp BM, xã AT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa chị với anh Lê Chí Th chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT A vào ngày 06/01/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị Y trình bày: thời gian đầu vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên khoảng thời gian sau này vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, anh Th không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho vợ con về vật chất lẫn tinh

thân, nên từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện chị và anh Th đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay, nhưng trong khoảng thời gian vợ chồng sống xa nhau không ai quan tâm ai và cũng không ai tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Th được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Chí Th.

Về con chung: chị Y xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2014 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/3/2016. Hiện cháu H đang sống chung với chị, còn cháu H hiện đang sống với anh Th, khi ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, về cấp dưỡng nuôi con chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn anh Lê Chí Th trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2020: Về quan hệ hôn nhân: giữa anh với chị Nguyễn Thị Như Y chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Trạch A vào ngày 06/01/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Th trình bày: anh Th thừa nhận trong thời gian chung sống thì vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng sau khi cãi vã nhau xong thì vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường, anh thường xuyên đi uống cà phê, nhậu nhẹt với bạn bè bên ngoài nhưng chị Y không đồng ý, mỗi lần cãi nhau anh vẫn thường xuyên liên lạc, gặp gỡ chị Y, vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường, nay chị Y yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con còn nhỏ nên anh không muốn ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: anh Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2014 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/3/2016. Hiện cháu H đang sống chung với chị Y, còn cháu H hiện đang sống với anh, nếu trường hợp chị Y kiên quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho chị Y và anh ly hôn, thì anh yêu cầu được nuôi cháu H và đồng ý giao cháu H cho chị Y nuôi, về cấp dưỡng nuôi con anh không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nếu Tòa án giải quyết cho chị Y và anh ly hôn thì anh không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lê Chí Th chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa chị Y và anh Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay chị Y yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ, tuy nhiên trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh Th là có căn cứ.

Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận theo nguyện vọng nuôi con của chị Y và anh Th khi ly hôn: giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2014 cho anh Lê Chí Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Lê Chí Th được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y và anh Th không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y và anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Y có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Th. Anh Th có địa chỉ cư trú tại huyện ĐH. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị Y có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Y.

Anh Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Th vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th

[2] Về nội dung vụ án: chị Y và anh Th tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2013, hôn nhân giữa chị Y và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 06/01/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh Th thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị Y và anh Th lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện chị Y và anh Th đã sống ly thân với nhau, anh Th có nguyện vọng được đoàn tụ, tuy nhiên từ khi chị Y nộp đơn xin ly hôn cho đến tại phiên tòa hôm nay anh Th vẫn không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Th, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Y và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh Th để mỗi người có cuộc sống mới tốt hơn là phù hợp.

Về nuôi con chung: xét thấy từ lúc chị Y và anh Th sống ly thân với nhau thì chị Y là người trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Gia H, anh Th trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Gia H, chị Y và anh Th vẫn đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và đồng Y giao cháu H cho anh Th nuôi dưỡng, anh Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu H và đồng Y giao cháu H cho chị Y nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Y và anh Th.

Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Lê Chí Th được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y và anh Th không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Y và anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Y. Xử cho chị Nguyễn Thị Như Y được ly hôn với anh Lê Chí Th.

2/. Về nuôi con chung: giao người con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Y được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao người con chung Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2014 cho anh Lê Chí Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Lê Chí Th được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Lê Chí Th không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Lê Chí Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004117 ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị Như Y và anh Nguyễn Trường Sơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã AT A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trương Hồng Diễm**

